

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ AN NHIÊN MAI PHÚC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ AN NHIÊN MAI PHÚC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN NHIEN MAI PHUC SERVICE  
COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110913228

**3. Ngày thành lập:** 12/12/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 21 Cao Lỗ, Xã Uy Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0349.165.189

Fax:

Email: [annhien165189@gmail.com](mailto:annhien165189@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành                                                     |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                                         | 2640                                                         |
| 2.  | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                                                                             | 2710                                                         |
| 3.  | Sản xuất pin và ắc quy                                                                                                                                                                                                                     | 2720                                                         |
| 4.  | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                                                                                                                                                        | 2731                                                         |
| 5.  | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                                                                                                                     | 2732                                                         |
| 6.  | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                                                                                    | 2733                                                         |
| 7.  | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                                                                          | 2740                                                         |
| 8.  | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                                                                  | 2750                                                         |
| 9.  | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                                                                                                | 2790                                                         |
| 10. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                 | 3312                                                         |
| 11. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                     | 3313                                                         |
| 12. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                     | 3314                                                         |
| 13. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                                                                     | 3319                                                         |
| 14. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                    | 3320                                                         |
| 15. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                        | 4651                                                         |
| 16. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                         | 4652(Chính)                                                  |
| 17. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                     | 4741                                                         |
| 18. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                  | 4742                                                         |
| 19. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4759                                                         |
| 20. | Hoạt động viễn thông có dây                                                                                                                                                                                                                | 6110                                                         |
| 21. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                      | 6201                                                         |
| 22. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                            | 6209                                                         |
| 23. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                         | 6311                                                         |
| 24. | Cổng thông tin<br>(trừ hoạt động báo trí)                                                                                                                                                                                                  | 6312                                                         |
| 25. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                  | 9511                                                         |
| 26. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                                 | 9512                                                         |
| 27. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                                                                               | 9521                                                         |
| 28. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                                                                                        | 9522                                                         |
| 29. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 1.150.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: PHẠM HỒNG NGỌC

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 28/10/1992 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001192029267

Ngày cấp: 24/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 55, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 21 Cao Lỗ, Xã Uy Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM HỒNG NGỌC

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 28/10/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001192029267

Ngày cấp: 24/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 55, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 21 Cao Lỗ, Xã Uy Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội